

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông H và bà V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị V được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 06-6-1989 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà V bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay ông không thể chung sống với bà V được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20-11-1989 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 13-5-1995. Hiện nay các con chung của ông và bà V đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 11-5-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá H tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay ông Nguyễn Bá H xin ly hôn thì bà đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Bá H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20-11-1989 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 13-5-1995. Hiện nay các con chung của bà và ông H đều đã thành niên và đã lập gia đình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Bá H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V; về con chung: Ông H và bà V có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20-11-1989 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 13-5-1995, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: Ông H và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung: Ông H và bà V trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm ông Nguyễn Bá H xin ly hôn thì bà Nguyễn Thị V đang cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1989 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa ông H và bà V bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên ông H xin ly hôn bà V.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay. Tuy nhiên, từ khi chung sống như vợ chồng đến nay, ông H và bà V không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20-11-1989 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 13-5-1995. Hiện nay các con chung của ông H, bà V đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Bá H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20-11-1989 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 13-5-1995, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Bá H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002594 ngày 29-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong